

cầu các cơ quan quản lý hàng dự trữ Quốc gia báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý dự trữ Quốc gia thuộc từng cơ quan quản lý để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, khoa học kỹ thuật tiên tiến vào lĩnh vực bảo quản và quản lý dự trữ Quốc gia; từng bước đổi mới và hiện đại hóa hệ thống kho tàng, trang thiết bị và công nghệ bảo quản hàng dự trữ Quốc gia.

6. Chỉ đạo thực hiện việc mua, bán, bảo quản, xuất, nhập hàng dự trữ Quốc gia được Chính phủ giao cho Cục trực tiếp quản lý. Được trực tiếp xuất nhập khẩu một số mặt hàng phục vụ cho dự trữ Quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Tổ chức hợp tác quốc tế về lĩnh vực dự trữ Quốc gia theo quy định của Chính phủ.

8. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức ngành Dự trữ Quốc gia.

9. Quản lý tổ chức bộ máy, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, biên chế, tài sản, tài chính thuộc Cục theo quy định của Chính phủ.

**Điều 3.-** Cơ cấu tổ chức của Cục Dự trữ Quốc gia gồm có:

**A. Các tổ chức giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước:**

- Ban Chính sách dự trữ Quốc gia.
- Ban Kế hoạch.
- Ban Tài chính - Kế toán.
- Ban Kỹ thuật bảo quản.
- Ban Xây dựng cơ bản.
- Ban Tổ chức - Cán bộ.
- Thanh tra.
- Văn phòng.

**B. Các Chi cục Quản lý hàng dự trữ Quốc gia theo vùng lãnh thổ.**

**C. Các tổ chức sự nghiệp:**

- Trung tâm Khoa học, Công nghệ bảo quản.
- Trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc nói trên.

**Điều 4.-** Cục Dự trữ Quốc gia do Cục trưởng lãnh đạo và có các Phó Cục trưởng giúp việc Cục trưởng. Cục trưởng, các Phó Cục trưởng do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề

nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

**Điều 5.-** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Bãi bỏ Quyết định số 236-TTg ngày 12-5-1994 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

Cục trưởng Cục Dự trữ Quốc gia, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 68-CP ngày 25-10-1995 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam.**

### **CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995;*

*Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 32-CP ngày 22-5-1995 của Chính phủ về việc chuyển Cục Hàng không dân dụng Việt Nam trực thuộc Chính phủ;*

*Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

### **NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.-** Cục Hàng không dân dụng Việt Nam là cơ quan thuộc Chính phủ có chức năng quản lý

Nhà nước ngành Hàng không dân dụng trong phạm vi cả nước.

**Điều 2.-** Cục Hàng không dân dụng Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý Nhà nước theo quy định tại Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 26 tháng 12 năm 1991, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 20 tháng 4 năm 1995, Điều 21 Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành Hàng không dân dụng, các quy định của Chính phủ về quản lý ngành Hàng không dân dụng và tổ chức thực hiện các vấn đề nói trên.

2. Trình Chính phủ việc thiết lập và cho phép khai thác các đường hàng không, khu vực cấm hoặc hạn chế bay, việc tham gia, ký kết các điều ước quốc tế về hàng không; ký kết các văn bản hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế về hàng không dân dụng theo quy định của Chính phủ.

3. Ban hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật nghiệp vụ, an toàn về hàng không dân dụng, tham gia xây dựng các chế độ về thuế, phí và lệ phí đối với các hoạt động hàng không dân dụng.

4. Tổ chức và quản lý việc khai thác đường hàng không dân dụng, vùng thông báo bay và quản lý bay, quy hoạch và quản lý hệ thống kỹ thuật thông tin phục vụ hàng không dân dụng. Phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý vùng trời, bảo vệ an ninh quốc gia.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan và chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh, an toàn hàng không, các chuyến bay chuyên cơ, chuyến bay đặc biệt, các Cảng hàng không, sân bay dân dụng, sân bay dùng chung với quốc phòng. Tổ chức phối hợp với các ngành và địa phương liên quan trong việc tìm kiếm cứu nạn và điều tra tai nạn hàng không dân dụng.

6. Trình Thủ tướng Chính phủ việc thành lập, giải thể các doanh nghiệp vận chuyển hàng không, các dự án hợp tác đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực hàng không dân dụng, việc thành lập và khai thác cảng hàng không, sân bay.

Quản lý vận chuyển hàng không đối với các doanh nghiệp vận chuyển hàng không dân dụng trong nước theo pháp luật và các quy định của Chính phủ; quản lý các hoạt động của các hãng hàng không nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam theo pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

7. Quản lý việc đăng ký tàu bay dân dụng; phối hợp với Bộ Thương mại quản lý việc nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay, trang bị, thiết bị, vật tư phục vụ hàng không dân dụng; quản lý, giám sát việc sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, động cơ tàu bay, việc sản xuất trang bị, thiết bị của tàu bay và các trang bị, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động hàng không dân dụng.

8. Cấp, đình chỉ, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các chứng chỉ, bằng, giấy phép liên quan tới hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của Chính phủ.

9. Quản lý hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực hàng không dân dụng; tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực hàng không dân dụng; phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trong việc bảo vệ môi trường trong các hoạt động hàng không dân dụng.

10. Quản lý công tác tổ chức, viên chức, đào tạo, tuyển chọn và phát triển nhân lực của ngành Hàng không dân dụng; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác đào tạo cán bộ cho ngành Hàng không dân dụng.

11. Quản lý tài sản, đất đai do Nhà nước giao.

12. Quản lý đầu tư và xây dựng các công trình hàng không dân dụng theo phân cấp quản lý của Chính phủ.

13. Tổ chức kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm trong hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.-** Cục Hàng không dân dụng Việt Nam do Cục trưởng phụ trách, giúp việc Cục trưởng có các Phó Cục trưởng. Cục trưởng, các Phó Cục trưởng do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm. Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Chính phủ về thực hiện chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành Hàng không, các Phó Cục trưởng chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về công việc được phân công.

**Điều 4.-** Cơ cấu tổ chức của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam gồm:

1. Tổ chức giúp Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam thực hiện chức năng quản lý Nhà nước:

- Ban Kế hoạch và Đầu tư.
- Ban Tài chính.
- Ban Tổ chức cán bộ - Lao động.
- Ban Khoa học công nghệ.
- Ban An ninh.
- Ban An toàn.

- Ban Không tải và Không vận.
- Văn phòng.
- Thanh tra.
- Phòng Pháp chế.

## 2. Các Cảng vụ Hàng không:

Căn cứ Điều 27 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam trình Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Cảng vụ Hàng không và quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước tại Cảng Hàng không.

## 3. Đơn vị sự nghiệp:

- Tạp chí Hàng không.
- Trung tâm Quản lý bay dân dụng Việt Nam (sự nghiệp có thu).

Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam quy định nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các tổ chức nói tại điểm 1 và điểm 3 trên đây.

**Điều 5.**- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ Nghị định số 242-HĐBT ngày 30-6-1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thành lập Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Quyết định số 36-TTg ngày 6-2-1993 của Thủ tướng Chính phủ về Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, và các quy định khác trước đây trái với Nghị định này.

**Điều 6.**- Cục trưởng Cục Hàng không dân dụng Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ  
Thủ tướng  
VÔ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH** của Chính phủ số 60-CP ngày 28-10-1995 về việc thành lập quận Tây Hồ thuộc thành phố Hà Nội.

## CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,*

## NGHỊ ĐỊNH:

**Điều 1.**- Nay thành lập quận Tây Hồ và các phường thuộc quận Tây Hồ thuộc thành phố Hà Nội như sau:

1. Thành lập quận Tây Hồ trên cơ sở các phường: Bưởi, Thụy Khuê, Yên Phụ của quận Ba Đình và các xã: Tứ Liên, Nhật Tân, Quảng An, Xuân La, Phú Thượng của huyện Từ Liêm.

2. Thành lập các phường: Tứ Liên, Nhật Tân, Quảng An, Xuân La, Phú Thượng thuộc quận Tây Hồ trên cơ sở các xã Tứ Liên, Nhật Tân, Quảng An, Xuân La, Phú Thượng cũ.

- Phường Tứ Liên có 351,1 héc-ta diện tích tự nhiên và 4480 nhân khẩu;

- Phường Nhật Tân có 103,5 héc-ta diện tích tự nhiên và 6914 nhân khẩu;

- Phường Quảng An có 345,8 héc-ta diện tích tự nhiên và 4796 nhân khẩu;

- Phường Xuân La có 217,7 héc-ta diện tích tự nhiên và 6386 nhân khẩu;

- Phường Phú Thượng có 601,6 héc-ta diện tích tự nhiên và 7386 nhân khẩu;

3. Quận Tây Hồ có diện tích tự nhiên: 2.042,7 héc-ta và 69.713 nhân khẩu; gồm 8 phường: Bưởi, Thụy Khuê, Yên Phụ, Tứ Liên, Nhật Tân, Quảng An, Xuân La, Phú Thượng.

Địa giới quận Tây Hồ: phía Đông giáp huyện Gia Lâm và quận Ba Đình; phía Tây giáp huyện Từ Liêm; phía Nam giáp quận Ba Đình; phía Bắc giáp huyện Đông Anh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

- Quận Ba Đình còn lại 909 héc-ta diện tích tự nhiên và 170.348 nhân khẩu gồm 12 phường: Phúc Xá, Nguyễn Trung Trực, Trúc Bạch, Quán Thánh, Cống Vị, Cầu Giấy, Ngọc Hà, Kim Mã, Đội Cấn, Điện Biên, Giảng Võ, Thành Công.

- Huyện Từ Liêm còn lại 8.870 héc-ta diện tích tự nhiên và 288.023 nhân khẩu gồm 24 đơn vị hành chính là các xã: Dịch Vọng, Yên Hòa, Trung Hòa, Nhân Chính, Cổ Nhuế, Xuân Phương.